TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37/2020/QĐ- PT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 30/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã căn cứ vào các Điều 2, Điều 759, Điều 769 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 217, các Điều 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty M (sau đây viết tắt là MC)

Địa chỉ: Tokyo N, 7-1, N- chome, Chuo-ku, T, Nhật Bản.

Người đại diện theo pháp luật: Y M; chức vụ: Phó Chủ tịch điều hành cấp cao, Thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy L, CMND số 001070000993 do Công an thành phố H cấp ngày 14/5/2014; Bà Lê Thị T, CMND số 201567925 do Công an thành phố Đ cấp ngày 28/5/2019; Ông Phạm Văn L1, CMND số 183952603 do Công an tỉnh H cấp ngày 31/5/2016 (Theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2019); Đều có địa chỉ tại: Tầng F, Tòa nhà H (Melia), 44 B L, Hà Nội.

- ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần G (sau đây viết tắt là A2)

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn A; chức vụ: Tổng giám đốc.

Tại Đơn kháng cáo ngày 06/12/2019, ông Nguyễn Duy L, bà Lê Thị T và ông Phạm Văn L1, là những người đại diện theo ủy quyền của Công ty M kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ vụ án kinh doanh thương mại số 01/2019/QĐST- KDTM ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, với lý do: Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan, toàn

diện, việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật không đúng, vi phạm thủ tục tố tụng.

XÉT THẤY:

Theo xác nhận của MC thì Hợp đồng dịch vụ giữa MC và A2 (sau đây viết tắt là Hợp đồng dịch vụ) được giao kết tại công trường của A2 vào ngày 01/7/2012, tức là được giao kết tại xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam. Tại Điều 1 của bản Hợp đồng dịch vụ có ghi: "MC sẽ cử đến hiện trường của A2 (sau đây gọi là "Hiện trường") ba chuyên gia kỹ thuật…" và Điều 2 của Hợp đồng dịch vụ cũng ghi: "Chuyên gia kỹ thuật của MC phải cung cấp hướng dẫn kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật tại Hiện trường", có nghĩa là Hợp đồng dịch vụ được thực hiện tại công trường của A2 tức là Hợp đồng dịch vụ được thực hiện tại xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 769 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng được giao kết tại Việt Nam và thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam thì phải tuân theo P. Vì vậy nội dung ghi nhận tại Điều 9 của Hợp đồng dịch vụ "Hợp đồng này được điều chỉnh bởi và được giải thích theo pháp luật Nhật Bản" là vô hiệu và không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của MC về việc áp dụng pháp luật của Nhật Bản để giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Theo các tài liệu do MC cung cấp thì hóa đơn cuối cùng do MC phát hành là vào ngày 05/3/2013 và MC cho rằng A2 có nghĩa vụ thanh toán hóa đơn cuối cùng này trước ngày 31/3/2013, tức là ngày mà MC biết và phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là ngày 01/4/2013. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng trong trường hợp này là 03 năm kể từ ngày 01/4/2013, có nghĩa là thời hiệu khởi kiện đã hết kể từ ngày 01/4/2016. Ngày 26/11/2018, MC mới làm đơn khởi kiện và gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xác định thời hiệu khởi kiện đã hết là có căn cứ.

Người đại diện của MC cho rằng: Vào ngày 01/6/2013, ông Phan A1, Phó Tổng giám đốc của A2 ký Công văn số 10/AH-MC-2013 trong đó khẳng định A2 sẽ thanh toán chi phí dịch vụ cho MC, thuộc trường hợp phải tính lại thời hiệu khởi kiện theo pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật Nhật Bản. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, Công văn số 10/AH-MC-2013 không có giá trị ràng buộc đối với A2 bởi ông Phan A1 chỉ là Phó Tổng giám đốc, không phải là người đại diện theo pháp luật và cũng không phải là người đại diện theo ủy quyền của A2 nên việc ông Phan A1 ký Công văn số 10/AH-MC-2013 không phải là sự kiện để bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện.

Do A2 có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và do thời hiệu khởi kiện đã hết nên Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty M; Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Công ty M phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do ông Phạm Văn L1, đại diện Công ty M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004656 ngày 18/12/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển